

Bản án số: 04/2025/HNGĐ-ST
Ngày 03/01/2025
V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Minh.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Tất Năm.
- Ông Huỳnh Phẩm Dũng Phát.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thư Thái Bình - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Mạnh Thị Tú Uyên - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 01 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 382/2024/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 10 năm 2024 về “Tranh chấp ly hôn”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 6585/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Đỗ Hoàng V, sinh năm 1978.

Địa chỉ: A A st NW E T5G 2G6 Canada

(có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Bà Đinh Thị Phương M, sinh năm 1980.

Địa chỉ: D Đường số C, phường F, quận G, TP H

(có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 11/9/2024 ông Đỗ Hoàng V trình bày:

Ông và bà Đinh Thị Phương M là vợ chồng chung sống có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 152, quyền số 01/2006 do Ủy ban nhân dân phường L, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 27/12/2006.

Ông và bà Đinh Thị Phương M phát sinh mâu thuẫn, không tìm được tiếng nói chung. Mặc dù ông đã cố gắng hàn gắn nhưng không thể đoàn tụ. Nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt, tình cảm không còn, ông yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn bà Đinh Thị Phương M.

Về việc nuôi con: Quá trình chung sống có 02 con chung là trẻ Đỗ Hoàng Bảo A, sinh ngày 23/5/2008 và Đỗ Hoàng Duy A1, sinh ngày 24/8/2012. Hiện nay 02 con đã sinh sống với bà M tại Việt Nam. Ông đồng ý giao 02 con chung cho bà Đinh Thị Phương M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và ông cấp dưỡng cho 02 con 10.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Tại Bản tự khai ngày 26/11/2024 bà Đinh Thị Phương M trình bày:

Bà và ông Đỗ Hoàng V là vợ chồng chung sống có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 152, quyền số 01/2006 do Ủy ban nhân dân phường L, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 27/12/2006.

Bà thống nhất với trình bày của ông Đỗ Hoàng V về mâu thuẫn vợ chồng. Vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do lối sống, tính cách nên không tìm được tiếng nói chung. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng bà đồng ý ly hôn ông Đỗ Hoàng V.

Về việc nuôi con: Quá trình chung sống có 02 con chung là trẻ Đỗ Hoàng Bảo A, sinh ngày 23/5/2008 và Đỗ Hoàng Duy A1, sinh ngày 24/8/2012. Hiện nay 02 con đang sinh sống với bà tại Việt Nam. Bà thống nhất với ông V về việc giao 02 con chung cho bà trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và ông V cấp dưỡng cho 02 con 10.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Kiểm sát viên phát biểu:

Về tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Các đương sự và những người tham gia tố tụng khác thực hiện quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định của pháp luật.

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37; Điều 38 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa Gia đình và Người chưa thành niên - Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý, giải quyết vụ án đúng thẩm quyền.

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Đỗ Hoàng V.

Về việc nuôi con: Giao 02 con Đỗ Hoàng Bảo A, sinh ngày 23/5/2008 và Đỗ Hoàng Duy A1, sinh ngày 24/8/2012; giới tính nam cho bà Đinh Thị Phương M trực tiếp nuôi. Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Đỗ Hoàng V phải cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 7 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc hôn nhân gia đình.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Về án phí: Ông Đỗ Hoàng V phải chịu theo quy định là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm và 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí về cấp dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp giữa ông Đỗ Hoàng V và bà Đinh Thị Phương M là tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa Gia đình và Người chưa thành niên - Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37; khoản 2 Điều 38 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Ông Đỗ Hoàng V và bà Đinh Thị Phương M có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông V và bà M.

[3] Về hôn nhân: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 152, quyển số 01/2006 do Ủy ban nhân dân phường L, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 27/12/2006 thì quan hệ hôn nhân giữa ông Đỗ Hoàng V và bà Đinh Thị Phương M là hợp pháp. Theo trình bày thống nhất của ông V và bà M thì vợ chồng không còn tình cảm, không còn thương yêu nhau, đã sống ly thân khoảng 5 năm, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, khoản 3 Điều 4 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân

dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc hôn nhân gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Đỗ Hoàng V.

[4] Về việc nuôi: Ông Đỗ Hoàng V và bà Đinh Thị Phương M có 02 con Đỗ Hoàng Bảo A, sinh ngày 23/5/2008 và Đỗ Hoàng Duy A1, sinh ngày 24/8/2012. Bà M đang trực tiếp nuôi 02 con Đỗ Hoàng Bảo A và Đỗ Hoàng Duy A1. Ông V và bà M thống nhất thoả thuận giao cho bà M trực tiếp nuôi 02 con. Do đó, căn cứ vào Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 giao bà Đinh Thị Phương M trực tiếp nuôi 02 con Đỗ Hoàng Bảo A và Đỗ Hoàng Duy A1.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Đỗ Hoàng V và bà Đinh Thị Phương M thống nhất thoả thuận ông V cấp dưỡng cho 02 con mỗi tháng 10.000.000 đồng. Do đó, căn cứ vào Điều 82, Điều 110, Điều 118 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, ông Đỗ Hoàng V phải cấp dưỡng cho 02 con mỗi tháng 10.000.000đ (mỗi con 5.000.000 triệu đồng mỗi tháng). Thi hành từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con đã thành niên và có khả năng lao động, hoặc có tài sản để tự nuôi mình.

[5] Về tài sản chung: Ông Đỗ Hoàng V và bà Đinh Thị Phương M thống nhất trình bày không có tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Ông Đỗ Hoàng V và bà Đinh Thị Phương M thống nhất trình bày không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5, 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ông Đỗ Hoàng V phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) và án phí cấp dưỡng nuôi con 300.000 đ (ba trăm nghìn đồng), tổng cộng là 600.000đ (sáu trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37; khoản 2 Điều 38; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 273 và khoản 1, 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 19; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 110, Điều 118 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc hôn nhân gia đình;

- Căn cứ khoản 5, 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Về hôn nhân: Ông Đỗ Hoàng V được ly hôn bà Đinh Thị Phương M.

2. Về việc nuôi con: Giao bà Đinh Thị Phương M trực tiếp nuôi con Đỗ Hoàng Bảo A, sinh ngày 23/5/2008 và Đỗ Hoàng Duy A1, sinh ngày 24/8/2012.

Về cấp dưỡng cho con: Ông Đỗ Hoàng V phải cấp dưỡng cho con Đỗ Hoàng Bảo A, sinh ngày 23/5/2008 và Đỗ Hoàng Duy A1, sinh ngày 24/8/2012; mỗi tháng, mỗi con 5.000.000đ (năm triệu đồng). Tổng cộng ông Đỗ Hoàng V phải cấp dưỡng cho 02 con mỗi tháng 10.000.000đ (mười triệu đồng). Thi hành từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con đã thành niên và có khả năng lao động, hoặc có tài sản để tự nuôi mình.

Ông Đỗ Hoàng V có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi có lý do chính đáng, các bên có thể thỏa thuận thay đổi mức cấp dưỡng, phương thức cấp dưỡng; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định tại Điều 116; Điều 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Đỗ Hoàng V phải chịu 600.000đ (sáu trăm nghìn đồng) được trừ số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0041749 ngày 30 tháng 10 năm 2024 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hồ Chí Minh. Ông Đỗ Hoàng V còn phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại của Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm. Thời hạn kháng cáo là 01 (một) tháng đối với ông Đỗ Hoàng V và 15 (mười lăm) ngày đối với bà Đinh Thị Phương M kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ cho họ hoặc được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận :

- TAND Tối cao;
- TAND, VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THA Dân sự TP.HCM;
- Các đương sự (02);
- UBND phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hoà;
- Sở Tư pháp;
- Lưu: HSVA, VT (22).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thanh Minh

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /2024/TLST.DS Thành phố H, ngày 25 tháng 6 năm 2024

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào lúc, giờ ngày 25 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh M1

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị N

2. Ông Huỳnh Phẩm Dũng P1.

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 109/2024/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2024 về “Tranh chấp ly hôn”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 2962/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Hoàng Phôi P; sinh năm 1991;

Địa chỉ: 1 N, Phường A, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt – có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Ông W, L; sinh năm 1986;

Địa chỉ: Thôn H, xã H, huyện N, thành phố T, tỉnh Hà Bắc, Trung Quốc (có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt).

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

I. Quan hệ pháp luật cần giải quyết và điều luật áp dụng:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37; khoản 2 Điều 38; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 273 và khoản 1, 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 19, Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Kết quả biểu quyết: 3/3 thành viên Hội đồng xét xử thống nhất.

II. Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Bà Hoàng Phôi P được ly hôn ông W, L.

Kết quả biểu quyết: 3/3 thành viên Hội đồng xét xử biểu quyết thống nhất.

III. Án phí

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Hoàng Phối P phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà bà Hoàng Phối P đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0032646 ngày 20 tháng 3 năm 2024 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Hoàng Phối P đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Kết quả biểu quyết: 3/3 thành viên Hội đồng xét xử biểu quyết thống nhất.

IV: Về quyền kháng cáo và các vấn đề khác.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm. Thời hạn kháng cáo là 15 (mười lăm) ngày đối với bà Hoàng Phối P và 01 (một) tháng đối với ông W, L kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ cho họ hoặc được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại của Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Kết quả biểu quyết: 3/3 thành viên Hội đồng xét xử thống nhất.

Việc nghị án kết thúc lúc giờ phút cùng ngày. Các thành viên Hội đồng xét xử đã đọc và đồng ý ký tên./.

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Nhanh Huỳnh Phầm Dũng P1

Trần Thanh M1